TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/DS-ST
Ngày: 07-8- 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** Kiểm Sát viên.*

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Toà số 145/2024/QĐHPT-DS ngày 18/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị P**, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt có đơn xin vắng)

2. Bị đơn: 1. Bà: **Lý Thị T**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2. Ông: **Trần Văn L**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2024 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bà Trương Thị P trình bày;***

Từ năm 2015, ông Trần Văn L và vợ là bà Lý Thị T có mượn tiền bà qua nhiều lần, bà không nhớ ngày tháng mượn cụ thể từng lần, nhưng đến ngày 23 tháng 01 năm 2017 ông L bà T có viết cam kết còn nợ bà số tiền 77.5000.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) hứa đến ngày 01/3/2017 sẽ trả đủ cho bà, Tờ cam kết do chính tay ông L viết và ký tên, bà T cũng ký vào tờ cam kết. Nhưng đến ngày 01/3/2017 vợ chồng ông L bà T không có trả tiền cho bà. Sau đó ông L bà T bỏ đi làm ở Bình Dương nên bà không có liên lạc được cho đến nay. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn L và bà Lý Thị T trả cho bà số tiền còn nợ là 77.5000.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bà P không còn yêu cầu nào khác.

**** Đối với bị đơn ông Trần Văn L và bà Lý Thị T:***

Ông Trần Văn L và bà Lý Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho ông Trần Văn L và bà Lý Thị The . Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông L bà T đều vắng mặt và không có ý kiến gì.

**** Theo biên bản xác minh ngày 25 tháng 5 năm 2024 ông Trần Văn D, sinh năm 1948, địa chỉ; ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, là cha ruột của ông Trần Văn L và cha chồng của bà Lý Thị T trình bày:***

Ông là cha ruột của ông Trần Văn L và là cha chồng của bà Lý Thị T, ông L bà T có nhà và còn địa chỉ thường trú tại ấp T xã T, nhưng hiện nay đã bỏ đi làm xa, lâu lâu mới về thăm ông hoặc tới đám tiệc thì về, ông không biết đi làm ở đâu nghe nói ở Thành Phố Hồ Chí Minh, hay ở Bình Dương gì đó, ông L bà T có điện thoại liên lạc về ông và lễ tết vẫn thường về.

Khi Toà gửi giấy mời cho ông L bà T thì ông nhận dùm nhưng ông không có ký nhận vì ông không biết sự việc thế nào nên không ký. Khi nào ông L bà T liên lạc về thì ông sẽ báo lại với ông L bà T việc bà P khởi kiện hai vợ chồng ở Toà án V.

Nay đối với việc bà Trương Thị P khởi kiện đòi tiền ông Trần Văn L và bà Lý Thị T thì ông không có ý kiến gì, đây là chuyện riêng của con ông, thì ông để con ông tự giải quyết. Ông cam kết lời trình bày của ông hoàn toàn đúng sự thật.

****Theo biên bản xác minh ngày 13 tháng 6 năm 2024 ông Nguyễn Văn L1, Trưởng ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long trình bày:***

Ông là Trưởng ấp Ấ xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, ông Trần Văn L và bà Lý Thị T có nhà và còn thường trú tại ấp T, xả T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, Nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương mà nghe nói đi làm ở Thành Phố Hồ Chí Minh, nay ở Bình Dương ít ở nhà khi lễ tết hoặc đám tiệc mới về nhà.

****Theo kết quả xác minh của Công an xã T ngày 08 tháng 5 năm 2024***: Ông Trần Văn L, sinh năm 1972 CCCD số 086072007367, bà Lý Thị T, sinh năm 1973 CCCD số 086173011733 đăng ký thường trú ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, hiện nay bỏ địa phương đi làm ở Bình Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm:

-*Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán; Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên toà xét xử sơ thẩm được thực hiện đúng với quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

-*Về đường lối giải quyết* vụ án:

+ *Về nội dung vụ án*: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn L và bà Lý Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị P số tiền nợ là 77.500.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

+ *Về án phí*: Buộc ông Trần Văn L và bà Lý Thị T có trách nhiệm nộp 3.875.000 đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử ông Trần Văn L bà Lý Thị T cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, Ngày 18/7/2024 bà Trương Thị P có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L, bà T, bà P theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Nội dung vụ án*: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Trương Thị P với với ông Trần Văn L, bà Lý Thị T ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. bà P đã thực hiện xong nghĩa vụ giao cho ông L bà T nhận số tiền 77.500.000đ. Từ khi nhận được tiền đến nay ông L bà T chưa trả lại cho bà P. Nay bà P yêu cầu ông L bà T phải trả lại cho bà số tiền còn nợ là 77.500.000 đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là nằm trong phạm vi pháp luật cho phép và không trái với quy định của pháp luật. Nguyên đơn cung cấp giấy cam kết của ông L viết và ông L, bà T có ký tên trong tờ cam kết và trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là ông Trần Văn L và bà Lý Thị T không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L bà T luôn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Đồng thời, Tòa án không tiến hành hoà giải được, không đối chất được để làm rõ các vấn đề có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không thực hiện được quyền tranh luận tại phiên tòa để chứng minh cho quyền lợi của mình là lỗi của ông L, bà T

Từ những căn cứ trên mặc dù ông Trần Văn L và bà Lý Thị T vắng mặt nhưng có căn cứ xác định ông Trần Văn L và bà Lý Thị T còn nợ bà Trương Thị P số tiền là 77.500.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Do đó, buộc ông Trần Văn L và bà Lý Thị T phải trả cho bà Trương Thị P số tiền là 77.500.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu của bà Trương Thị P được toà án chấp nhận nên bà P nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.938.000 đồng (Một triệu chin trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số Nº 0009039 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Ông Trần Văn L và bà Lý Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 77.500.000 đ x 5 % = 3.875.000 đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[5] *Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm*: là có cơ sở và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 9, Điều 463, Điều 465, Điều 466, của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 3, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị P

[1] Buộc ông Trần Văn L và bà Lý Thị T cùng có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị P số tiền vay còn nợ là 77.500.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] ***Án phí dân sự sơ thẩm***: Buộc ông Trần Văn L và bà Lý Thị T có trách nhiệm nộp 3.875.000 đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Trương Thị P không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả cho bà Trương Thị P số tiền 1.938.000đ (Một triệu chin trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0009039 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Tuyền